

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/DS-ST
Ngày: 11-8-2020
“V/v Tranh chấp nợ hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hạng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2020/TLST-DS, ngày 17/6/2020 về việc “Tranh chấp nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Kiều D - sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn U – sinh năm 1974; Bà Phạm Thị N - sinh năm 1973 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Kiều D trình bày:

Thời gian vào năm 2016, chị có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà Phạm Thị N và ông Trần Văn U làm chủ, gồm các dây hụi sau:

- Dây hụi 500.000đ/tháng: Xổ ngày 24/9/2016 al, có 32 chân, chị chơi 01 chân, dây hụi này chưa mãn nhưng vợ chồng bà N tuyên bố ngưng hụi, chị chưa hốt hụi và đã đóng 29 lần được số tiền 14.500.000đ (tính theo hụi chết).

- Dây hụi 500.000đ/tháng: Xổ ngày 30/4/2016 al, có 30 chân, chị chơi 01 chân, dây hụi này đã mãn vào ngày 30/10/2018, số tiền được hốt sau khi trừ tiền hoa hồng 250.000đ là 14.250.000đ nhưng vợ chồng bà N chỉ mới chung cho chị được 9.250.000đ và còn nợ lại 5.000.000đ.

- Dây hụi 300.000đ/tháng: Xổ ngày 09/02/2016 al, có 30 chân, chị chơi 01 chân, dây hụi này đã mãn và chị là người hốt cuối cùng với số tiền được hốt sau

khi trừ tiền hoa hồng 150.000đ là 8.550.000đ nhưng vợ chồng bà N chỉ mới chung cho chị được 3.550.000đ và còn nợ lại 5.000.000đ.

Tổng cộng 03 dây hui trên, vợ chồng bà N, ông U còn nợ chị số tiền 24.500.000đ. Chị đã nhiều lần đến yêu cầu vợ chồng bà N trả nợ nhưng ông U, bà N chỉ cam kết và hứa hẹn nhưng không thực hiện.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Kiều D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị N và ông Trần Văn U phải trả cho chị số tiền hui là 24.500.000đ (hai mươi bốn triệu, năm trăm năm nghìn đồng), ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại Biên bản ghi lời khai ngày 24/6/2020, bị đơn bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U trình bày:

Bà N, ông U thừa nhận: Chị D có tham gia chơi hui do vợ chồng ông bà làm chủ. Các chân hui, dây hui và số lần đóng hui như chị D kê ra là đúng. Ông bà cũng thừa nhận số tiền hui hiện nay còn nợ chị D là 24.500.000đ và đồng ý trả cho chị D số tiền này nhưng hẹn trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp nợ hui” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 471, 688 Bộ luật dân sự 2015, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hui, biểu, phường. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kiều D buộc bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U phải có nghĩa vụ trả cho chị D số tiền nợ hui là 24.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên chị Nguyễn Kiều D khởi kiện bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U về việc “Tranh chấp nợ hui” được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U với tư cách là bị đơn vắng mặt lần thứ 2 nhưng không có lý do. Xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ Điều 227 BLTTDS vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Thời gian vào năm 2016, giữa chị Nguyễn Kiều D và bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U có thỏa thuận góp hui với nhau, vợ chồng bà N, ông U làm chủ hui, chị D là thành viên trong các dây hui: Dây hui 500.000đ/tháng, xổ ngày 24/9/2016 al, dây hui 500.000đ/tháng, xổ ngày 30/4/2016 al và dây hui 300.000đ/tháng, xổ ngày 09/02/2016 al. Quá trình chơi

hội, chị D thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hội của 03 dây hội trên cho đến khi vợ chồng bà N ngưng xổ hội. Tuy nhiên, từ khi ngưng xổ hội đến nay, vợ chồng bà N vẫn chưa giao tiền hội đầy đủ cho chị D nên chị D khởi kiện đòi lại số tiền nợ hội 24.500.000đ. Xét về nội dung và hình thức hợp đồng góp hội như trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[3] Xét yêu cầu của chị D buộc vợ chồng bà N, anh Út phải trả số tiền nợ hội là 24.500.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, bà N, ông U đều thừa nhận số tiền hội còn nợ lại chị D là 24.500.000đ nhưng hẹn trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ. HĐXX thấy rằng, bà N, ông U không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao tiền hội theo đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 18 Nghị định 19/2009/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biêu, phường và yêu cầu xin trả nợ dần của ông bà cũng không được chị D đồng ý cho nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D và buộc bà N, ông U có trách nhiệm thanh toán số nợ hội này cho chị D là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 1.225.000đ (24.500.000đ x 5%) do ông bà có lỗi trong vụ kiện này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kiều D.

Buộc bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Kiều D số tiền 24.500.000đ (hai mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị D cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà N, ông U còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị N, ông Trần Văn U phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 1.225.000đ (một triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/8/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Trần Văn Tôn

